

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THIẾT BỊ ĐIỆN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 40
8. Phụ lục	41 - 44

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 27 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609
- Fax : (84-61) 3 836 070

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Thiết kế các công trình thiết bị điện;
- Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Cho thuê văn phòng.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015
Ông Phan Ngọc Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Văn Đung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013





**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Thảo (từ ngày 31 tháng 5 năm 2013).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Ngọc Thảo**  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2016





Số: 0069/2016/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thiết bị điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>936.418.695.194</b>	<b>634.854.679.034</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>60.340.768.778</b>	<b>218.186.827.565</b>
1. Tiền	111		9.907.768.778	47.753.827.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.433.000.000	170.433.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>389.373.414.475</b>	<b>121.765.408.802</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	382.091.447.187	110.949.643.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.471.488.447	6.273.989.706
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	19.203.067.485	17.832.237.621
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(19.392.588.644)	(13.290.462.296)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>483.726.042.063</b>	<b>294.902.442.667</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	485.924.441.230	300.784.444.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(2.198.399.167)	(5.882.001.938)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.978.469.878</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.978.469.878	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>129.399.238.776</b>	<b>129.523.591.946</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.862.109.581</b>	<b>90.500.304.518</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	90.230.614.323	89.666.316.885
- Nguyên giá	222		251.243.412.593	231.811.375.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.012.798.270)	(142.145.059.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	631.495.258	833.987.633
- Nguyên giá	228		1.463.694.725	1.463.694.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(832.199.467)	(629.707.092)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>148.317.140</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		148.317.140	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31.174.822.347</b>	<b>31.598.605.455</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	15.120.259.111	31.440.259.111
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	16.320.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.002.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2a	(265.436.764)	(843.653.656)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.213.989.708</b>	<b>7.424.681.973</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	5.158.856.724	5.369.548.989
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.055.132.984	2.055.132.984
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.065.817.933.970</b>	<b>764.378.270.980</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>607.994.259.117</b>	<b>491.388.938.873</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>569.180.320.888</b>	<b>469.426.739.769</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	59.908.949.168	10.268.373.901
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.675.121.418	5.298.388.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.597.477.425	9.349.378.281
4. Phải trả người lao động	314	V.15	35.280.852.929	42.568.811.885
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.050.931.592	22.553.255.478
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.122.056.567	2.713.558.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	384.365.305.992	320.402.760.970
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	67.179.625.797	54.010.392.250
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	-	2.261.820.525
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38.813.938.229</b>	<b>21.962.199.104</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	9.193.252.687	9.341.513.562
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	29.620.685.542	12.620.685.542





**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>457.823.674.853</b>	<b>272.989.332.107</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>457.823.674.853</b>	<b>272.989.332.107</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	180.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	13.351.860.247	1.549.860.247
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	57.362.153.403	45.330.775.374
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	207.109.661.203	106.108.696.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.177.318.457	106.108.696.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		159.932.342.746	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.065.817.933.970</b>	<b>764.378.270.980</b>



Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2016



Trần Thị Thu  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.002.781.168.042	1.691.535.375.635	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.002.781.168.042	1.691.535.375.635	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.568.098.742.472	1.326.407.099.213	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		434.682.425.570	365.128.276.422	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.319.681.744	12.457.719.405	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.390.528.992	17.516.377.644	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.237.737.571	16.835.791.501	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	122.182.147.429	173.034.895.480	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	99.135.145.560	80.501.191.353	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		199.294.285.333	106.533.531.350	
11. Thu nhập khác	31		155.947.805	218.002.562	
12. Chi phí khác	32		-	270.662.425	
13. Lợi nhuận khác	40		155.947.805	(52.659.863)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		199.450.233.138	106.480.871.487	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	39.517.890.391	25.917.078.780	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	354.605.844	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		159.932.342.746	80.209.186.863	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-	

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2016

  
Trần Thị Thu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

  
Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.452.206.098.004	1.448.967.448.943
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.322.562.269.566)	(978.188.654.192)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(137.592.144.777)	(90.109.658.349)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(15.546.600.104)	(16.814.039.544)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14 (45.675.388.438)	(28.700.617.677)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.033.439.167	13.232.605.172
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(211.975.390.718)	(180.495.082.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(257.112.256.432)</b>	<b>167.892.002.183</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, VII (17.761.572.169)	(39.427.538.137)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.679.094.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2 1.002.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3 8.729.448.542	9.747.676.385
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.030.123.627)</b>	<b>(25.000.767.752)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22	72.000.000.000	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	862.837.379.870	687.096.792.360	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(798.874.834.848)	(652.416.984.057)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.21	(28.666.223.750)	(29.948.072.500)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>107.296.321.272</b>	<b>4.731.735.803</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(157.846.058.787)</b>	<b>147.622.970.234</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>218.186.827.565</b>	<b>70.563.857.331</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>60.340.768.778</b>	<b>218.186.827.565</b>	

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2016

  
Trần Thị Thu  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng



  
Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thiết bị điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ và kinh doanh thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao áp, hạ áp; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp; thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện; cho thuê văn phòng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu do sản lượng bán gia tăng.

##### 6. Cấu trúc Công ty

###### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. có trụ sở chính tại Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh máy móc, vật tư, thiết bị điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 63,75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

###### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Kinh doanh máy móc, vật tư, thiết bị điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40,8%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 640 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 566 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.





# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### *Dự phòng bảo hành sản phẩm*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

Việc trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm được ước tính bằng 05% trên doanh thu của khách hàng điện lực, Thibidi Cambodia Co.,Ltd và 03% trên doanh thu của khách hàng đại lý và khách hàng lẻ. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

##### *Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm do Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định (tối đa 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ) và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

#### 15. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 23. Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	595.233.267	333.925.402
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.312.535.511	47.419.902.163
Các khoản tương đương tiền (*)	50.433.000.000	170.433.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.340.768.778</u></b>	<b><u>218.186.827.565</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>15.120.259.111</b>	<b>(265.436.764)</b>	<b>14.854.822.347</b>	<b>31.440.259.111</b>	<b>(843.653.656)</b>	<b>30.596.605.455</b>
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. <sup>(i)</sup>	15.120.259.111	(265.436.764)	14.854.822.347	15.120.259.111	(843.653.656)	14.276.605.455
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi <sup>(ii)</sup>	-	-	-	16.320.000.000	-	16.320.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>16.320.000.000</b>		<b>-16.320.000.000</b>			
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi <sup>(ii)</sup>	16.320.000.000		-16.320.000.000			
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.002.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.002.000.000</b>
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	-	-	-	1.002.000.000	-	1.002.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.440.259.111</b>	<b>(265.436.764)</b>	<b>31.174.822.347</b>	<b>32.442.259.111</b>	<b>(843.653.656)</b>	<b>31.598.605.455</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. 765,000 USD tương đương 63,75% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 30 tháng 7 năm 2015 Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi 16.320.000.000 VND, tương đương 40,8% vốn điều lệ (tỷ lệ sở hữu vốn đầu năm là 51%).

##### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

##### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	843.653.656	1.262.682.618
Hoàn nhập dự phòng	(578.216.892)	(419.028.962)
<b>Số cuối năm</b>	<b>265.436.764</b>	<b>843.653.656</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
<b><i>Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.</i></b>				
Bán hàng	28.536.406.140		43.009.511.583	
Lãi cho vay	-		27.681.267	
<b><i>Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi</i></b>				
Bán hàng	409.469.482.315		377.124.681.394	
Cho thuê văn phòng	60.000.000		480.000.000	
Mua vật tư	914.670.021.450		654.238.133.125	
Xây dựng nhà xưởng	-		8.034.237.277	
Hoa hồng, chiết khấu bán hàng phải trả	22.959.285.441		15.248.057.084	
Cổ tức nhận được	4.896.000.000		8.160.000.000	
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>36.195.851.544</b>		<b>53.169.636.362</b>	
Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	32.506.407.905		38.234.047.120	
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	-		32.748.000	
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	3.689.443.639		14.902.841.242	
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>345.895.595.643</b>		<b>57.780.007.409</b>	
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	224.316.841.919		4.674.670.819	
Công ty điện lực Bình Thuận	54.016.274.015		-	
Các khách hàng khác	67.562.479.709		53.105.336.590	
<b>Cộng</b>	<b>382.091.447.187</b>		<b>110.949.643.771</b>	
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
L.A.E Lughese Attrezzature	2.898.345.840		-	
Whole Shine Co., Ltd	-		1.356.496.590	
Shuang Yeong Co., Ltd	-		1.202.708.092	
Các nhà cung cấp khác	4.573.142.607		3.714.785.024	
<b>Cộng</b>	<b>7.471.488.447</b>		<b>6.273.989.706</b>	
<b>5. Phải thu ngắn hạn khác</b>				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Thuế thu nhập cá nhân chi hộ người lao động	14.131.339.104	-	5.540.764.359	-
Thuế thu nhập cá nhân đang làm thủ tục hoàn	3.403.297.482	-	3.403.297.482	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	1.899.605.649	-
Tạm ứng	1.668.430.899	-	6.713.870.490	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	274.699.641	-
<b>Cộng</b>	<b>19.203.067.485</b>	<b>-</b>	<b>17.832.237.621</b>	<b>-</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		<b>31.424.164.938</b>	<b>26.790.880.632</b>		-	-
Thibidi (Cambodia) Co., Ltd. - phải thu tiền bán hàng	Trên 6 tháng	31.424.164.938	26.790.880.632		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>18.734.850.802</b>	<b>3.975.546.464</b>	<b>14.204.428.245</b>	<b>913.965.949</b>	
Công ty cổ phần điện Sóng Thần_ phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.800.092.425	-	Trên 03 năm	2.054.418.077	-
Cty TNHH XD Hải Long_ Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.511.834.934	-	Trên 03 năm	2.511.834.934	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 06 tháng	14.422.923.443	3.975.546.464	Trên 06 tháng	9.638.175.234	913.965.949
<b>Cộng</b>		<b>50.159.015.740</b>	<b>30.766.427.096</b>	<b>14.204.428.245</b>	<b>913.965.949</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.290.462.296	12.119.781.905
Trích lập dự phòng bổ sung	6.102.126.348	1.170.680.391
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.392.588.644</b>	<b>13.290.462.296</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.492.507.381	-	6.892.581.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	156.075.710.055	-	151.925.875.247	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	70.410.503.659	-	37.502.589.997	-
Thành phẩm	246.945.720.135	(2.198.399.167)	104.463.397.423	(5.882.001.938)
<b>Cộng</b>	<b>485.924.441.230</b>	<b>(2.198.399.167)</b>	<b>300.784.444.605</b>	<b>(5.882.001.938)</b>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.882.001.938	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	5.882.001.938
Hoàn nhập dự phòng	(3.683.602.771)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.198.399.167</b>	<b>5.882.001.938</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	74.745.514.589	134.401.899.552	17.733.245.199	4.930.716.562	231.811.375.902
Mua trong năm	-	19.123.356.075	857.590.000	40.626.094	20.021.572.169
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(589.535.478)	-	(589.535.478)
<b>Số cuối năm</b>	<b>74.745.514.589</b>	<b>153.525.255.627</b>	<b>18.001.299.721</b>	<b>4.971.342.656</b>	<b>251.243.412.593</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.612.081.757	80.524.501.282	7.178.340.083	2.938.684.133	98.253.607.255
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	35.845.275.774	91.372.830.033	10.735.570.493	4.191.382.717	142.145.059.017
Khấu hao trong năm	3.539.365.603	13.719.496.840	1.695.086.793	503.325.495	19.457.274.731
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(589.535.478)	-	(589.535.478)
<b>Số cuối năm</b>	<b>39.384.641.377</b>	<b>105.092.326.873</b>	<b>11.841.121.808</b>	<b>4.694.708.212</b>	<b>161.012.798.270</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	38.900.238.815	43.029.069.519	6.997.674.706	739.333.845	89.666.316.885
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.360.873.212</b>	<b>48.432.928.754</b>	<b>6.160.177.913</b>	<b>276.634.444</b>	<b>90.230.614.323</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 89.415.710.494 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.463.694.725	629.707.092	833.987.633
Tăng trong năm	-	261.552.500	
Giảm trong năm	-	(59.060.125)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.463.694.725</b>	<b>832.199.467</b>	<b>631.495.258</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 488.074.725 VND.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.055.132.984	2.409.738.828
Phát sinh trong năm	-	(319.129.552)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.055.132.984</b>	<b>2.090.609.276</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>455.859.250</i>	<i>2.001.574.300</i>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	-	-
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	455.859.250	2.001.574.300
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>59.453.089.918</i>	<i>8.266.799.601</i>
Công ty cổ phần Ngô Han	24.266.000.000	-
Công ty TNHH thép JFE Shoji Việt Nam	5.914.278.480	2.574.882.036
San Jiang Electric Mfg Co. Ltd.,	14.678.063.326	-
Các nhà cung cấp khác	14.594.748.112	5.691.917.565
<b>Cộng</b>	<b>59.908.949.168</b>	<b>10.268.373.901</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại xây dựng điện Phan An	2.367.616.764	582.858.449
Công ty TNHH thương mại và xây lắp công nghiệp Sài Gòn	2.086.993.283	449.321.350
Các khách hàng khác	2.220.511.371	4.266.208.468
<b>Cộng</b>	<b>6.675.121.418</b>	<b>5.298.388.267</b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.448.393.087	-	19.356.774.339	(20.048.283.195)	3.756.884.231	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	14.988.119.699	(14.988.119.699)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	154.934.587	(154.934.587)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.179.028.169	-	39.517.890.391	(45.675.388.438)	-	-2.978.469.878
Thuế thu nhập cá nhân	1.721.957.025	-	12.343.080.154	(10.224.443.985)	3.840.593.194	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.349.378.281</b>	<b>-</b>	<b>86.366.799.170</b>	<b>(91.097.169.904)</b>	<b>7.597.477.425</b>	<b>2.978.469.878</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	199.450.233.137	106.480.871.487
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.765.796.847	37.606.778.089
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(27.589.255.478)</u>	<u>(30.501.479.702)</u>
Thu nhập tính thuế	179.626.774.506	113.586.169.874
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>39.517.890.391</b>	<b>24.988.957.372</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>928.121.408</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>39.517.890.391</b>	<b>25.917.078.780</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương	57.029.608.364	42.568.811.885
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn tạm hạch toán vào quỹ lương	<u>(21.748.755.435)</u>	-
<b>Cộng</b>	<b>35.280.852.929</b>	<b>42.568.811.88</b>

Đơn giá tiền lương năm 2015 căn cứ vào đơn giá theo sản lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong năm được thực hiện theo Quyết định về phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương năm 2015 số 508/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2015.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.400.000.000</i>	<i>3.378.738.111</i>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi - chi phí hoa hồng	2.400.000.000	3.378.738.111
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.650.931.592</i>	<i>19.174.517.367</i>
Chi phí hoa hồng	2.531.865.018	18.217.850.559
Chi phí lãi vay	-	308.862.533
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	119.066.574	647.804.275
<b>Cộng</b>	<b>5.050.931.592</b>	<b>22.553.255.478</b>

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.078.968.869
Kinh phí công đoàn	1.211.122.025	1.345.245.559
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	107.073.983	141.394.883
Cổ tức phải trả	1.388.650.769	54.874.519
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	415.209.790	93.074.382
<b>Cộng</b>	<b>3.122.056.567</b>	<b>2.713.558.212</b>

#### 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	384.365.305.992	320.290.066.429
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa <sup>(i)</sup></i>	<i>333.248.290.361</i>	<i>278.592.351.389</i>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai <sup>(ii)</sup></i>	<i>51.117.015.631</i>	<i>41.697.715.040</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	112.694.541
<b>Cộng</b>	<b>384.365.305.992</b>	<b>320.402.760.970</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay từ 04 đến 06 tháng để bổ sung vốn lưu động.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	320.290.066.429	862.837.379.870	(798.762.140.307)	384.365.305.992
Vay ngắn hạn các cá nhân	112.694.541	-	(112.694.541)	-
<b>Cộng</b>	<b>320.402.760.970</b>	<b>862.837.379.870</b>	<b>(798.874.834.848)</b>	<b>384.365.305.992</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

##### 19a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành sản phẩm. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	54.010.392.250
Tăng do trích lập	13.258.499.331
Số sử dụng	(89.265.784)
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.179.625.797</b>

##### 19b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến trợ cấp mất việc làm của người lao động. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	9.341.513.562
Số sử dụng	(148.260.875)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.193.252.687</b>

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.261.820.525	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	16.900.000.000	9.280.000.000
Chi quỹ	(40.910.575.960)	(7.018.179.475)
<b>Số cuối năm</b>	<b>(21.748.755.435)</b>	<b>2.261.820.525</b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn tạm hạch toán vào quỹ lương và sẽ hoàn trả lại quỹ lương sau khi Đại hội cổ đông phê duyệt trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 (Thuyết minh V.15).

#### 21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.620.685.542	-
Số trích lập trong năm	17.000.000.000	12.620.685.542
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.620.685.542</b>	<b>12.620.685.542</b>

#### 22. Vốn chủ sở hữu

##### 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 41.

##### 22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	78.192.640.000	78.192.640.000
Công ty CP đầu tư phát triển Hoàng Thành Land	28.296.320.000	-
Các cổ đông khác	73.511.040.000	41.807.360.000
<b>Cộng</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

Trong năm Công ty đã chào bán 6.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 15 tháng 4 năm 2015. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 6.000.000 cổ phiếu. Ngày 27 tháng 7 năm 2015 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 62/2015/NQ-ĐHCD/TBĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	30.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	12.031.378.029
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.931.378.029</b>

#### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	342.250.122	326.152.468
Trên 01 năm đến 05 năm	1.369.000.488	1.304.609.872
Trên 05 năm	10.371.585.204	10.209.912.601
<b>Cộng</b>	<b>12.082.835.814</b>	<b>11.840.674.941</b>

Công ty thuê 34.994,9 m<sup>2</sup> đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m<sup>2</sup>/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m<sup>2</sup>/năm.

##### 23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	11.784,70	406.091,26
Euro (EUR)	2.800,00	2.800,00
Dollar Úc (AUD)	2.250,00	250,00

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

###### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.771.095.434.233	1.404.903.750.960
Doanh thu bán vật tư	226.850.842.728	278.842.871.154
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.834.891.081	7.788.753.521
<b>Cộng</b>	<b><u>2.002.781.168.042</u></b>	<b><u>1.691.535.375.635</u></b>

###### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

##### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.356.581.718.766	1.052.265.223.703
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	213.352.187.019	267.130.871.740
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.848.439.458	1.129.001.832
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.683.602.771)	5.882.001.938
<b>Cộng</b>	<b><u>1.568.098.742.472</u></b>	<b><u>1.326.407.099.213</u></b>

##### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.305.842.893	3.259.600.767
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	227.756.806	300.535.886
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.036.000.000	8.360.000.000
Lãi tiền cho vay	-	27.681.267
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	488.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	262.082.045	30.306.332
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	479.595.153
<b>Cộng</b>	<b><u>7.319.681.744</u></b>	<b><u>12.457.719.405</u></b>

##### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.237.737.571	16.835.791.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.399.899.535	1.099.615.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	331.108.778	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(578.216.892)	(419.028.962)
<b>Cộng</b>	<b><u>21.390.528.992</u></b>	<b><u>17.516.377.644</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	28.970.967.755	18.304.474.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.695.086.793	1.287.593.181
Dự phòng bảo hành sản phẩm	13.258.499.331	45.825.474.638
Chi phí hoa hồng, chiết khấu bán hàng	57.660.906.343	88.522.159.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.299.813.213	5.993.117.514
Các chi phí khác	10.296.873.994	13.102.075.742
<b>Cộng</b>	<b><u>122.182.147.429</u></b>	<b><u>173.034.895.480</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	37.729.846.470	25.008.034.961
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.043.086.080	2.403.291.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	705.817.870	2.178.781.370
Thuế, phí và lệ phí	861.391.115	783.361.816
Chi phí dự phòng	6.102.126.348	1.170.680.391
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	17.000.000.000	12.620.685.542
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	5.026.988.786	3.384.340.736
Chi phí khác	29.665.888.891	32.952.014.710
<b>Cộng</b>	<b><u>99.135.145.560</u></b>	<b><u>80.501.191.353</u></b>

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.364.183.898.889	899.138.886.332
Chi phí nhân công	159.548.904.771	110.823.902.725
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.718.827.231	18.487.253.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.569.424.816	14.057.541.602
Chi phí khác	168.423.143.155	213.725.062.692
<b>Cộng</b>	<b><u>1.732.444.198.862</u></b>	<b><u>1.256.232.646.867</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Năm trước Công ty đã ứng trước tiền mua một số tài sản cố định số tiền 2.260.000.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 3.780.997.975 VND (năm trước là 3.626.407.358 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông Nhà nước nắm giữ 43,44% cổ phần
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam</b>		
Mua vật tư, hàng hóa	13.284.993.095	18.648.265.750
Bán hàng	-	32.748.000

*Cam kết bảo lãnh*

Công ty bảo đảm trả nợ cho khoản vay của Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi (bên được bảo lãnh) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Đồng Nai với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 70 tỷ VND.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12 và V.16.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cầm giữ công nợ.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

##### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 01 pha.
- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 03 pha.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm từ trang 42 đến trang 44.

##### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Số liệu so sánh

##### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

##### 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.118.136.471	6.714.101.150	17.832.237.621
Tài sản ngắn hạn khác	155	6.714.101.150	(6.714.101.150)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	23.865.099.744	21.465.675.630	45.330.775.374
Quỹ dự phòng tài chính		21.465.675.630	(21.465.675.630)	-

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Tổng Công ty điện lực Miền Nam với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 59% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 4%), Công ty điện lực Bình Thuận với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 14% tổng số dư nợ phải thu. Các khách hàng khác có số dư dưới 10% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.340.768.778				60.340.768.778
Phải thu khách hàng	331.932.431.447			50.159.015.740	382.091.447.187
<b>Cộng</b>	<b>392.273.200.225</b>			<b>50.159.015.740</b>	<b>442.432.215.965</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.186.827.565	-	-	-	218.186.827.565
Phải thu khách hàng	96.745.215.527	-	-	14.204.428.244	110.949.643.771
Các khoản phải thu khác	1.899.605.649	-	-	-	1.899.605.649
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	-	-	-	1.002.000.000
<b>Cộng</b>	<b>317.833.648.741</b>			<b>14.204.428.244</b>	<b>332.038.076.985</b>

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	384.365.305.992	-	-	384.365.305.992
Phải trả người bán	59.908.949.168	-	-	59.908.949.168
Các khoản phải trả khác	6.854.792.151	-	-	6.854.792.151
<b>Cộng</b>	<b>451.129.047.311</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>451.129.047.311</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	320.402.760.970	-	-	320.402.760.970
Phải trả người bán	10.268.373.901	-	-	10.268.373.901
Các khoản phải trả khác	22.553.255.478	-	-	22.553.255.478
<b>Cộng</b>	<b>353.224.390.349</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>353.224.390.349</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.784,70	406.091,26
Phải thu khách hàng	1.447.947,00	1.788.560,20
Phải trả người bán	(765.146,00)	(128.848,50)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>694.585,70</b>	<b>2.065.802,96</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 384.365.305.992 VND (số đầu năm là 320.402.760.970 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### 4d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### 5. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

##### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.340.768.778	-	218.186.827.565	-	60.340.768.778	218.186.827.565
Phải thu khách hàng	382.091.447.187	(19.392.588.644)	110.949.643.771	(13.290.462.296)	362.698.858.543	97.659.181.475
Các khoản phải thu khác	-	-	1.899.605.649	-	-	1.899.605.649
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	1.002.000.000	-	-	1.002.000.000
<b>Cộng</b>	<b>442.432.215.965</b>	<b>(19.392.588.644)</b>	<b>332.038.076.985</b>	<b>(13.290.462.296)</b>	<b>423.039.627.321</b>	<b>318.747.614.689</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	384.365.305.992	320.402.760.970	384.365.305.992	320.402.760.970
Vay và nợ	59.908.949.168	10.268.373.901	59.908.949.168	10.268.373.901
Các khoản phải trả khác	6.854.792.151	22.553.255.478	6.854.792.151	22.553.255.478
<b>Cộng</b>	<b>451.129.047.311</b>	<b>353.224.390.349</b>	<b>451.129.047.311</b>	<b>353.224.390.349</b>

#### *Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Trần Thị Thu  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	37.520.816.003	72.989.468.994	232.060.145.244
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.209.186.863	80.209.186.863
Trích lập các quỹ	-	-	7.809.959.371	(17.089.959.371)	(9.280.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>1.549.860.247</b>	<b>45.330.775.374</b>	<b>106.108.696.486</b>	<b>272.989.332.107</b>
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	45.330.775.374	106.108.696.486	272.989.332.107
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	60.000.000.000	11.802.000.000	-	-	71.802.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	159.932.342.746	159.932.342.746
Trích lập các quỹ	-	-	12.031.378.029	(28.931.378.029)	(16.900.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>13.351.860.247</b>	<b>57.362.153.403</b>	<b>207.109.661.203</b>	<b>457.823.674.853</b>

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc

*(Handwritten signature)*

Trần Thị Thu  
Người lập biểu



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Máy biến thể 1 pha	Máy biến thể 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	532.847.526.749	1.242.814.871.345	227.118.769.948	2.002.781.168.042
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>532.847.526.749</b>	<b>1.242.814.871.345</b>	<b>227.118.769.948</b>	<b>2.002.781.168.042</b>
Chi phí theo bộ phận	401.382.526.881	1.008.860.488.162	157.855.727.429	1.568.098.742.472
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	131.464.999.868	233.954.383.183	69.263.042.519	434.682.425.570
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(221.317.292.989)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	213.365.132.581
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	7.319.681.744
Chi phí tài chính	-	-	-	(21.390.528.992)
Thu nhập khác	-	-	-	155.947.805
Chi phí khác	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(39.517.890.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>159.932.342.746</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Máy biến thế 1 pha	Máy biến thế 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	427.746.717.928	975.156.228.032	288.632.429.675	1.691.535.375.635
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>427.746.717.928</b>	<b>975.156.228.032</b>	<b>288.632.429.675</b>	<b>1.691.535.375.635</b>
Chi phí theo bộ phận	283.191.346.918	770.202.878.618	273.012.873.677	1.326.407.099.213
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	144.555.371.010	204.953.349.414	15.619.555.998	365.128.276.422
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(253.536.086.833)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				111.592.189.589
Doanh thu hoạt động tài chính				12.457.719.405
Chi phí tài chính				(17.516.377.644)
Thu nhập khác				218.002.562
Chi phí khác				(270.662.425)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(25.917.078.780)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(354.605.844)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>80.209.186.863</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến thế 1 pha	Máy biến thế 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.065.817.933.970
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.065.817.933.970</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				607.994.259.117
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>607.994.259.117</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				764.378.270.980
<b>Tổng tài sản</b>				<b>764.378.270.980</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				491.388.938.873
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>491.388.938.873</b>

Đồng Nai, ngày 02 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo  
Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu  
Người lập biểu